

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC “CHO TRẺ LỨA TUỔI MẦM NON LÀM QUEN VỚI TIẾNG ANH”

NGUYỄN THANH TÂM*

Ngày nhận bài: 02/08/2017; ngày sửa chữa: 03/08/2017; ngày duyệt đăng: 05/08/2017.

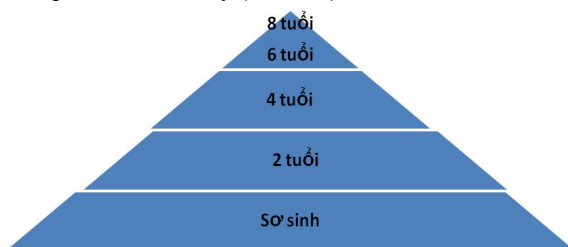
Abstract: *Introducing English to children in preschool age is becoming a common trend in many countries, including Vietnam. In this article, author points out benefits of familiarising with English at early ages. Additionally, author introduces some methods to help children make acquaintance with English at preschools. Also, author proposes some solutions to improve effectiveness of introducing English to preschool children in Vietnam.*

Keywords: *English, preschool, kindergarten, theoretical issue, practical basis.*

1. Vì sao nên cho trẻ làm quen với ngoại ngữ từ lứa tuổi mầm non?

1.1. Các học thuyết và nghiên cứu ủng hộ quan điểm học ngoại ngữ từ khi còn nhỏ

Một học thuyết lớn bảo vệ quan điểm rằng, việc học ngoại ngữ nên được bắt đầu từ những năm tháng phát triển đầu đời là học thuyết “giáo dục trẻ nên bắt đầu ngay từ khi trẻ được sinh ra” của nhà giáo dục người Nhật Makoto Shichita. Đây là một học thuyết quan trọng ủng hộ cho quan điểm giáo dục sớm; theo đó, việc giáo dục trẻ nên được bắt đầu càng sớm càng tốt. Quan điểm giáo dục sớm ngay từ khi sinh ra cũng bao hàm cả việc dạy ngoại ngữ (ngôn ngữ thứ hai ngoài tiếng mẹ đẻ) cho trẻ. Shichita tin rằng, *giáo dục sớm cho trẻ nên bắt đầu ngay từ khi trẻ được sinh ra*. Ông nhấn mạnh, *trẻ em là những thiên tài trong việc học hỏi mọi thứ và các em có não bộ hoạt động tốt như những chiếc máy vi tính*. Tuy nhiên, khả năng học tập của trẻ lại giảm dần theo từng năm khi trẻ lớn lên. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc những trẻ sơ sinh có khả năng tối ưu nhất trong việc học hỏi mọi thứ. Nếu chúng ta không nắm bắt thời cơ này để giáo dục trẻ, khả năng đó sẽ mai một và biến mất khi trẻ lên 8 tuổi. Shichita đã giải thích học thuyết của ông bằng sơ đồ dưới đây (sơ đồ 1):



Sơ đồ 1. Học thuyết của Shichita

(Nguồn: *Teaching and Learning English in Kindergartens in Kaohsiung, 2001*)

Khả năng tối ưu của trẻ sơ sinh cũng phát huy trong trường hợp học ngoại ngữ. Shichita nhấn mạnh rằng, *trẻ em trên 6 tuổi gặp khó khăn hơn trong việc ghi nhớ từ vựng so với trẻ 3 tuổi*. Thêm vào đó, Shichita lập luận rằng, *trẻ 3 tuổi có thái độ sẵn sàng học và tiếp thu từ vựng hơn trẻ 6 tuổi* và ông luôn khẳng định tầm quan trọng của việc chọn đúng thời điểm để dạy trẻ, dạy càng sớm càng tốt trước khi giai đoạn vàng này trôi qua. Ông tin rằng, *nếu trong quá trình trẻ lớn lên mà không được dạy những kiến thức bổ ích một cách phù hợp thì là một điều đáng tiếc*.

Shichita bảo vệ và phát triển học thuyết giáo dục từ khi mới sinh của mình bắt nguồn từ ý tưởng trong một cuốn sách của một vị linh mục người Đức - Karl Witte. Cuốn sách được xuất bản năm 1818 tại Đức và sau đó được các giáo sư của Đại học Harvard dịch ra tiếng Anh với tên gọi “Quan điểm giáo dục của Karl Witte”. Trong cuốn sách của mình, Karl Witte bày tỏ niềm tin rằng, *trí thông minh của trẻ nhỏ không phải do di truyền mà là kết quả của giáo dục và việc giáo dục này nên được bắt đầu trong giai đoạn từ 0-6 tuổi*. Karl Witte cũng đưa ví dụ về con trai của ông. Ông đã bắt đầu dạy con trai mình đọc và viết khi cậu bé mới chỉ được vài tháng tuổi và kết quả là cậu bé đã có thể đọc và viết tiếng Đức và tiếng Latin khi lên 6 tuổi. Ông tiếp tục quá trình giáo dục sớm nhiều năm sau đó và kết quả là con trai của Karl Witte đã đi học khi mới 1 tuổi, có bằng tiến sĩ triết học năm 12 tuổi và đến năm 16 tuổi nhận thêm bằng tiến sĩ luật học, sau này trở thành giáo sư ở trường đại học Berlin.

Glenn Doman cũng đã đưa ra minh chứng tương tự để bảo vệ quan điểm giáo dục sớm. Trong cuốn sách của mình, ông đã mô tả một cậu bé 9 tuổi có thể đọc và viết 9 thứ tiếng. Ông nói rằng, cậu bé này không

* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

đặc biệt thông minh. Sau khi sinh, cậu bé sống ở Cairo và hàng ngày cậu thường nghe thấy tiếng Pháp, Ả rập và tiếng Anh. Cậu sống với ông - đến từ Thổ Nhĩ Kỳ và học tiếng Thổ Nhĩ Kỳ từ ông của mình. Khi cậu lên bốn, gia đình cậu chuyển đến Israel. Cậu lại sống với bà - đến từ Tây Ban Nha. Tại Israel, cậu đã học tiếng Hebrew, tiếng Đức và một ngôn ngữ khác mà người Do thái dùng. Sau đó, cậu chuyển đến Brazil và học tiếng Bồ Đào Nha. Bố của cậu cũng nói được 5 thứ tiếng. Cậu bé có thể nói được hầu hết 8 ngôn ngữ một cách trôi chảy, chỉ ngoại trừ tiếng Bồ Đào Nha. Cậu không thể nói tiếng Bồ Đào Nha tốt như những ngôn ngữ còn lại vì cậu đã bắt đầu học ngôn ngữ này sau 6 tuổi (Liu Hsiu-chi 1985).

Ngoài các học thuyết trên, một học thuyết khác cũng ủng hộ cho việc dạy ngoại ngữ sớm là giả thuyết giai đoạn quan trọng. Giả thuyết này ủng hộ cho ý kiến việc học ngoại ngữ nên được bắt đầu từ sớm. Học thuyết này đưa ra lập luận rằng, việc học ngoại ngữ có thời gian biểu sinh học; và trong phạm vi thời gian biểu đó, các kiến thức về ngôn ngữ có thể được tiếp thu tốt hơn và nằm ngoài phạm vi thời gian đó, việc tiếp thu kiến thức ngôn ngữ sẽ trở nên khó hơn nhiều. Vậy giai đoạn quan trọng là khi nào? Phần lớn các lập luận, xem xét về mặt thần kinh đều cho rằng, giai đoạn then chốt là thời điểm hoàn thành "Lateralization". Theo các nghiên cứu về thần kinh học, một số chức năng chỉ hình thành và hoạt động khi bộ não của con người đạt mức độ trưởng thành - nó được gọi là "lateralization". Và thực tế đã được nghiên cứu chỉ ra rằng, sau khi các lateralization được hoàn thiện, con người sẽ gặp khó khăn trong việc tiếp thu một ngôn ngữ thứ hai để có thể đạt được trình độ phát âm và mức độ thành thục về ngôn ngữ như người bản ngữ. Giả thuyết giai đoạn quan trọng nêu lên quan điểm rằng trong suốt quá trình các lateralization hình thành và hoàn thiện, việc tiếp thu ngoại ngữ trở nên dễ dàng và nhanh chóng. Tuy nhiên, lại có nhiều ý kiến khác nhau về việc khi nào thì các lateralization xảy ra trong não bộ. Trong khi Eric Lennebert (1967) cho rằng, lateralization sẽ hoàn thiện sự phát triển khi kết thúc tuổi dậy thì, Stephen Krashen (1973) lại lập luận rằng quá trình hoàn thiện lateralization kết thúc khi mới 5 tuổi (Brown 1987). Mặc dù các lý thuyết về "giả thuyết giai đoạn quan trọng" vẫn còn nhiều tranh cãi, vẫn có nhiều nghiên cứu khác kết luận việc học ngoại ngữ ở lứa tuổi nhỏ vẫn tốt hơn là bắt đầu khi đã trưởng thành.

1.2. Ảnh hưởng của việc học ngoại ngữ đối với việc tiếp thu tiếng mẹ đẻ

Khi Shichita đưa ra những quan điểm của mình về việc dạy ngoại ngữ sớm cho trẻ nhỏ, nhiều người lo

ngại rằng, trẻ ở lứa tuổi mầm non còn quá nhỏ để có thể làm quen với ngoại ngữ. Những người phản đối đưa ra giải thích rằng, trẻ ở lứa tuổi này có thể sẽ bị nhầm lẫn giữa ngoại ngữ với tiếng mẹ đẻ bởi những năng lực ngôn ngữ của tiếng mẹ đẻ vẫn chưa phát triển đầy đủ và toàn diện. Rất nhiều người và đặc biệt là các bậc phụ huynh cũng luôn có thắc mắc về việc liệu rằng việc làm quen với một ngoại ngữ có tác động tích cực hay tiêu cực tới việc học tiếng mẹ đẻ. Việc học ngoại ngữ sớm sẽ làm hỏng sự phát triển của ngôn ngữ thứ nhất hay không? Vẫn tồn tại hai luồng ý kiến - tích cực và tiêu cực về vấn đề này.

Shichita lại có ý kiến trái ngược theo hướng bảo vệ quan điểm giáo dục sớm của mình. Ông tin rằng, trẻ em trong độ tuổi từ 3-6 tuổi chính là đang trải qua giai đoạn tối ưu để bắt đầu tiếp xúc với ngoại ngữ bởi giai đoạn này trẻ vẫn đang trong giai đoạn học hỏi và hoàn thiện ngôn ngữ thứ nhất, trẻ có thể dùng chính phương pháp tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất để vận dụng học ngôn ngữ thứ hai (Shichita, 2000). Trên thế giới cũng có khá nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, trẻ em có thể học đồng thời hai hoặc nhiều ngôn ngữ mà không lo đến vấn đề bị nhiễu loạn ngôn ngữ; không cần đợi đến khi ngôn ngữ mẹ đẻ đã đạt đến trình độ tương đối tốt mới học tiếp ngôn ngữ thứ hai. Ví dụ như Geissler - một giáo viên dạy ngoại ngữ vào năm 1938 đã quan sát được một trường hợp thực tế có những trẻ lứa tuổi mầm non có thể tiếp thu và học 4 ngôn ngữ cùng một lúc mà không gặp nhiều khó khăn (Garcia, 1982). Nhiều nhà khoa học và xu hướng hiện nay tại nhiều quốc gia trên thế giới cũng nghiêng nhiều hơn về quan điểm ủng hộ việc giới thiệu ngoại ngữ cho trẻ mầm non và cho rằng, trẻ học ngoại ngữ khi còn nhỏ sẽ góp phần giúp củng cố và phát triển tiếng mẹ đẻ, ví dụ nghiên cứu của Yelland, Pollard và Mercuri năm 1993 ở Australia, nghiên cứu của Pinto và Pilotti năm 1993 ở Italy, những nghiên cứu của Rodriguez và cộng sự năm 1995 và của Winsler và cộng sự năm 1997 (Johnstone 1994).

1.3. Những lợi thế của trẻ nhỏ khi học ngoại ngữ so với người lớn

Có rất nhiều lợi thế trong việc học tiếng Anh nói riêng, ngoại ngữ nói chung ở lứa tuổi mầm non. Thứ nhất, trẻ em có tinh thần, thái độ học tập ngoại ngữ tốt hơn người lớn. Curran (1961) tin rằng, trẻ em không có cảm giác sợ những âm tiết mới của một ngôn ngữ mới và luôn có tinh thần cầu thị sự giúp đỡ của người khác trong việc học. Bởi vậy, trẻ có thể tiếp thu ngôn ngữ thứ hai một cách dễ dàng hơn là người lớn (Schumann 1975). Thứ hai, trẻ nhỏ làm quen với ngoại ngữ từ sớm sẽ có các khả năng về ngôn ngữ giỏi hơn.

Một vài nghiên cứu còn chỉ ra rằng, nếu trẻ học ngoại ngữ sớm, khả năng nghe hiểu sẽ thể hiện sự tiến bộ và sự ảnh hưởng rõ rệt nhất đối với năng lực của ngôn ngữ đó trong tương lai, đặc biệt khi trẻ tiếp tục học ngoại ngữ đó trong một vài năm sau đó. Trẻ nhỏ bắt đầu làm quen với ngoại ngữ ở trường mẫu giáo có nhiều thời gian học ngoại ngữ đó hơn là những học sinh bắt đầu học khi lên tiểu học hoặc trung học. Nếu trẻ bắt đầu học sớm hơn, các em sẽ tiết kiệm được thời gian và công sức trong tương lai.

Học ngoại ngữ sớm giúp đạt được kĩ năng gần với người bản ngữ hơn. Người học ngoại ngữ khi trưởng thành có thể rất giỏi trong việc sử dụng ngoại ngữ, nhưng về những vấn đề như giọng nói, lựa chọn từ ngữ hoặc cách sử dụng ngữ pháp, họ sẽ không đạt được mức độ thuần thục như người bản ngữ hoặc người bắt đầu học ngoại ngữ đó từ nhỏ (Lightbown/Spada 1993). Nhiều người trưởng thành học ngoại ngữ mặc dù đã đạt được trình độ trôi chảy nhưng vẫn còn âm sắc của ngôn ngữ mẹ đẻ (Dunn, 1990). Ngược lại, những người học ngoại ngữ từ khi còn nhỏ có giọng nói không bị ảnh hưởng của ngôn ngữ thứ nhất.

1.4. Một vài ví dụ về việc bắt đầu cho trẻ ở tuổi mẫu giáo làm quen với ngoại ngữ (ngôn ngữ thứ hai) tại một số quốc gia

Tại Mỹ và Canada, có rất nhiều chương trình dạy ngoại ngữ (ngôn ngữ thứ hai), ví dụ như những chương trình giảng dạy bằng ngoại ngữ hay chương trình FLES (Ngoại ngữ trong trường tiểu học). Một vài chương trình bắt đầu được giảng dạy từ lứa tuổi mẫu giáo và đều cho thấy được những tác động tích cực. "Nhiều nghiên cứu đã cho thấy rằng, những học sinh học các chương trình giảng dạy bằng ngoại ngữ đạt được kết quả học tập các môn học tương đương hoặc tốt hơn so với các bạn đồng trang lứa học chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ mẹ đẻ, ngay cả khi các em phải học các môn học đó bằng một ngoại ngữ" (Anderson/Rhodes 1983). Hiện nay, tại các nước châu Á như: Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Hong Kong,... đều có các trường dạy ngoại ngữ cho trẻ mầm non.

2. Cho trẻ mầm non làm quen với ngoại ngữ như thế nào?

2.1. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với ngoại ngữ:

- *Ngôn ngữ để giúp trẻ làm quen với tiếng Anh:* Có nhiều ý kiến khác nhau xoay quanh việc lựa chọn phương án tối ưu hơn trong 2 phương án: Sử dụng ngôn ngữ mục tiêu (ngoại ngữ đang học) để dạy chính ngoại ngữ đó hay sử dụng ngôn ngữ thứ nhất/ngôn ngữ bản địa của học sinh để giảng dạy và giải thích. Sử dụng ngôn ngữ mục tiêu để dạy chính ngoại ngữ

đó có thể kể tới các phương pháp như: *trực tiếp* và *dạy bằng âm thanh*. Còn sử dụng ngôn ngữ bản địa để giảng dạy có thể kể tới phương pháp tiếp cận Ngữ pháp - Dịch.

Phương pháp Dạy tiếng Anh bằng tiếng Anh (Chỉ sử dụng tiếng Anh khi lên lớp) có rất nhiều ưu điểm, cụ thể: 1) *Khi ngoại ngữ được giảng dạy thông qua chính ngoại ngữ đó, các vùng về ngôn ngữ trong não bộ sẽ phát triển hơn:* Theo các nghiên cứu về thần kinh học, khi một người học các ngôn ngữ khác nhau sẽ sử dụng các vùng khác nhau trong não bộ. Khi chúng ta học một ngôn ngữ, một vùng ngôn ngữ trong não bộ sẽ được hình thành và phát triển. Khi chúng ta học hai ngôn ngữ đồng thời, hai vùng ngôn ngữ sẽ phát triển. Như vậy, khi trẻ học hai ngôn ngữ cùng một lúc sẽ có nhiều vùng ngôn ngữ trong não hơn trẻ chỉ học một ngôn ngữ. Bên cạnh đó, khi một đứa trẻ học tiếng Anh bằng tiếng mẹ đẻ, chỉ có vùng ngôn ngữ của tiếng mẹ đẻ là phát triển rõ rệt nhất. Nhưng nếu trẻ học tiếng Anh bằng tiếng Anh thì vùng ngôn ngữ tiếng Anh trong não sẽ phát triển song song với vùng ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ; 2) *Học ngoại ngữ bằng chính ngoại ngữ đó sẽ ngăn được hiện tượng học theo cặp từ:* Nếu chúng ta học ngoại ngữ bằng việc dịch ra tiếng mẹ đẻ, sẽ không có vùng ngôn ngữ mới nào phát triển trong não bộ chúng ta. Thay vào đó, các cặp từ sẽ hình thành và phát triển. Ví dụ, nếu dạy cho trẻ "cái bàn" có nghĩa là "table" trong tiếng Anh thì từ "table" sẽ không giúp phát triển vùng ngôn ngữ tiếng Anh trong não bộ. Thay vào đó, sẽ hình thành cặp từ "cái bàn-table" trong vùng ngôn ngữ tiếng Việt ở não bộ. Nếu học tiếng Anh thông qua hoạt động phiên dịch như vậy thì khi chúng ta nghe một từ tiếng Anh hoặc một câu tiếng Anh, não bộ chúng ta sẽ tìm kiếm những cặp từ trong vùng ngôn ngữ tiếng Việt trước, sau đó dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Tương tự như vậy, khi muốn nói gì đó bằng tiếng Anh, chúng ta sẽ tìm kiếm những cặp từ trong vùng ngôn ngữ tiếng Việt trước, sau đó dịch sang tiếng Anh trước khi chúng ta nói. Các công đoạn này làm mất thời gian hơn. Đó cũng là lí do tại sao nhiều người đã học tiếng Anh lâu năm nhưng vẫn gặp khó khăn khi nghe và nói tiếng Anh. Khi nghe và nói tiếng Anh, não bộ của những người đó không thể hoạt động đủ nhanh để nói hoặc để hiểu ngôn ngữ được tiếp nhận. Ngược lại, nếu học tiếng Anh trực tiếp bằng tiếng Anh, người học có thể nghĩ trực tiếp bằng tiếng Anh mà không cần dịch qua dịch lại, do đó sẽ gặp ít khó khăn hơn trong việc giao tiếp bằng tiếng Anh (Kung, 1997); 3) *Học ngoại ngữ bằng chính ngoại ngữ đó giúp người học có nhiều cơ hội để nghe và nói ngoại ngữ đó:* Nhiều giáo viên dạy

tiếng Anh cho rằng, nếu không dùng tiếng Việt để giải thích khi học tiếng Anh thì học sinh sẽ không thể hiểu được ý nghĩa chính xác những gì các em đang học. Điều này đặc biệt đúng khi dạy ngữ pháp. Với đối tượng người học là học sinh tiểu học, thanh thiếu niên hay người trưởng thành, đôi khi cũng cần phải giải thích bằng tiếng mẹ đẻ. Tuy nhiên, với trẻ ở độ tuổi mầm non, nhiều nhà nghiên cứu tin rằng, việc dạy tiếng Anh bằng tiếng Anh là phương án tối ưu. Một trong những lí do phương án này được yêu thích hơn là vì trẻ mầm non có khả năng học các loại ngôn ngữ dễ dàng hơn rất nhiều so với các đối tượng học sinh khác. Các em có thể học ngoại ngữ trực tiếp thông qua chính ngoại ngữ đó và có thể hiểu được nội dung. Một lí do khác là vì đối với trẻ mầm non không nhất thiết phải dạy ngữ pháp hay quá chú trọng vào ngữ pháp vì các em học ngoại ngữ giống cách học tiếng mẹ đẻ, học thông qua bắt chước và sửa các lỗi sai. Bởi vậy, không cần thiết phải sử dụng tiếng Việt trong lớp học tiếng Anh ở lớp mẫu giáo.

- Phương pháp giới thiệu ngoại ngữ theo cách tương tự như dạy tiếng mẹ đẻ: Như trình bày ở phần trên, nhiều nghiên cứu đề xuất rằng, lứa tuổi mầm non là giai đoạn tối ưu để học ngoại ngữ. Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu cũng nói lên rằng, đối với trẻ nhỏ, có rất nhiều điểm tương đồng giữa việc học ngôn ngữ mẹ đẻ và học ngoại ngữ. Johnstone (1994) cho rằng, nếu trẻ bắt đầu học ngoại ngữ từ tuổi bé, các em sẽ tiếp thu ngoại ngữ đó gần như theo cách tiếp thu tiếng mẹ đẻ. Chính bởi vậy, nếu hiểu được bản chất quá trình học tiếng mẹ đẻ có thể xây dựng những cách thức để dạy trẻ ngoại ngữ. Những yếu tố này giúp trẻ nhanh hiểu hơn và động viên trẻ hồi đáp. Trẻ nhỏ khi học ngoại ngữ ở trường mầm non cũng cần những cử chỉ khích lệ, động viên tương tự như vậy. Sử dụng phương pháp như vậy, trẻ nhỏ có thể dần dần quen với âm tiết, ngữ điệu và trọng âm của ngôn ngữ thứ hai. Cụ thể, chúng ta có thể hướng vào những điểm trọng tâm sau: 1) Khi dạy trẻ tập nói ngôn ngữ mẹ đẻ, cha mẹ có xu hướng lặp đi lặp lại những từ đơn một cách rõ ràng và sau đó là đặt những câu đơn giản với các từ đó để trẻ dần dần tự nói và hiểu được các từ rồi câu chứa từ đó; 2) Khi trẻ mới học nói, trẻ sẽ nói những từ đơn lẻ, rồi ghép hai từ đơn, rồi ba từ đơn và tiến tới đặt thành câu. Cha mẹ luôn luôn kiên nhẫn và luôn cố gắng hiểu những gì trẻ đang cố diễn đạt. Cha mẹ cũng chính là người trực tiếp chỉnh sửa những câu từ của trẻ và nói cho trẻ biết những từ, những câu chính xác, hoàn thiện, bởi thế trẻ không ngừng được nói và nghe những phiên bản mở rộng, hoàn thiện hơn của những câu từ trẻ nói; 3) Cha mẹ

cũng luôn dạy trẻ học nói với tình yêu thương, sự kiên nhẫn và ân cần. Cha mẹ luôn dạy trẻ nói với một không gian vui vẻ. Họ thường khuyến khích trẻ nói, luôn sẵn sàng lắng nghe và kiên nhẫn chờ trẻ thời gian để hoàn thiện những gì trẻ nói. Nếu xây dựng được môi trường dạy ngoại ngữ ở trường tương tự như vậy, việc dạy và học ngoại ngữ có thể sẽ hiệu quả hơn. Phụ huynh thường nói chậm, rõ ràng và chính xác khi dạy trẻ học nói, cùng với việc sử dụng các cử chỉ, ngôn ngữ cơ thể, biểu cảm trên gương mặt và giọng điệu khi trò chuyện cùng trẻ.

2.2. Những tiêu chuẩn trong cách dạy trẻ mầm non dựa trên đặc điểm tâm sinh lí và tính cách của trẻ

Dựa trên những đặc điểm và tính cách của trẻ, chúng ta có thể xây dựng được những tiêu chí trong việc dạy trẻ học, từ đó giáo viên có thể sẽ chọn lựa và phát huy tối đa những phương pháp dạy học phù hợp và hiệu quả. Dưới đây là một vài tiêu chí trong cách dạy trẻ từ 3-6 tuổi.

- Chỉ sử dụng từ ngữ thôi là chưa đủ, mà cần thêm những mô hình, đồ vật và tranh ảnh minh họa: Theo Piaget, trẻ ở lứa tuổi mầm non vẫn đang trong “giai đoạn thao tác cụ thể”. Trẻ không thể nắm bắt được sự vật, hiện tượng bằng việc tưởng tượng nếu như chưa được trải nghiệm, tiếp xúc bằng các giác quan. Trẻ ở độ tuổi này học tập tốt nhất khi được trải nghiệm cụ thể, cảm giác các sự vật hiện tượng bằng các giác quan. Bởi thế, giáo viên tiếng Anh mầm non không thể chỉ dùng lời nói để giảng bài cho trẻ mà cần có thêm nhiều giáo cụ, bao gồm các đồ vật, hình ảnh,... để giúp trẻ hiểu và học được. So với tranh ảnh thì các vật thật giúp trẻ hiểu bài hơn nhiều. Bởi vậy, các giáo viên tiếng Anh nên chuẩn bị các vật minh họa thực tế hoặc các mô hình khi dạy trẻ học từ mới. Việc dạy tiếng Anh cho trẻ tiểu học và trẻ mầm non không giống nhau. Đối với học sinh tiểu học, chỉ cần hình ảnh và thẻ học là đủ để dạy tiếng Anh; nhưng đối với trẻ mầm non, những vật thật có tác dụng hơn nhiều so với hình ảnh. Nếu giáo viên tiếng Anh không thể chuẩn bị đồ vật minh họa trên lớp và phải dùng tranh ảnh để minh họa thì tốt nhất là chuẩn bị những hình ảnh kích thước lớn.

- Trẻ nhỏ cần được khen ngợi: Ở trên lớp, trẻ cần sự thay đổi các hoạt động liên tục và trẻ cũng cần sự công nhận, đánh giá cao từ giáo viên. Trẻ nhỏ rất nhiệt tình và có thái độ tích cực đối với việc học những điều mới mẻ và trẻ cũng thích được giáo viên khen ngợi. Những lời khích lệ, ngợi khen sẽ giúp trẻ có được cảm giác thành công, góp phần củng cố thái độ nhiệt tình của trẻ khi học.

- *Trẻ nhỏ thích vận động, âm nhạc, các bài hát và câu chuyện*: Trẻ nhỏ rất khó ngồi yên một chỗ. Trẻ luôn thích được vận động cơ thể, lắc lư, chạm vào, tiếp xúc các đồ vật. Vậy giáo viên tiếng Anh có thể làm gì để trẻ vừa có thể vận động mà vẫn học được những điều mới trên lớp học? Phương án tốt nhất để kết hợp hai mục tiêu này là vận dụng các hoạt động trên lớp như sử dụng vận động, âm nhạc, các bài hát, trò chơi,... thông qua đó cung cấp cho trẻ cơ hội được vận động trên lớp.

- *Sự đa dạng trong lớp học*: Chúng ta đều hiểu rằng, trẻ nhỏ có sự chú ý, chăm chú không được lâu. Brown (1994) đã cho rằng, nếu trẻ nhỏ ngồi trước tivi xem một bộ phim hoạt hình yêu thích, các em có thể ngồi yên rất lâu. Điều này có nghĩa là, nếu bài học hấp dẫn, trẻ nhỏ có thể duy trì sự chú ý và tập trung trong suốt buổi học. Nếu giáo viên tiếng Anh có thể kiến thiết học trở nên hấp dẫn, sống động và vui, trẻ nhỏ có thể sẽ thấy yêu thích các bài học tiếng Anh. Vậy mấu chốt để khiến các tiết học hấp dẫn trẻ nhỏ như một bộ phim hoạt hình là gì? Giáo viên tiếng Anh nên tổ chức bài học với nhiều hoạt động đa dạng và thay đổi liên tục các hoạt động. Scott/Ytreberg (1993) đã đưa ra đề xuất về một vài sự đa dạng trong lớp học: đa dạng về hoạt động, đa dạng về nhịp độ bài giảng, đa dạng về cách tổ chức, đa dạng về giọng điệu giảng bài. Khi trẻ mất hứng thú cho một hoạt động nào đó, trẻ cũng sẽ mất luôn sự chú ý và học được rất ít hoặc không học được gì. Bởi thế, nên thay đổi các hoạt động trước khi trẻ mất hứng thú và cảm thấy chán.

- *Các bài học tiếng Anh nên được chuẩn bị kĩ trước giờ lên lớp*: Như đã đề cập ở trên, trẻ nhỏ luôn tràn đầy năng lượng, bởi vậy các hoạt động ở lớp học tiếng Anh phải được thay đổi liên tục. Nếu giáo viên tiếng Anh không lên kế hoạch trước cho bài học của mình thì sẽ không đủ thời gian để nghỉ và thực hiện khi bắt đầu giảng bài. Trẻ nhỏ luôn có sự nhiệt tình đối với việc học tập. Nếu người giáo viên có thể duy trì được sự hứng thú của trẻ bằng việc đưa ra một bài giảng được lên kế hoạch kĩ càng thì tất yếu trẻ sẽ thích học tiếng Anh, học có tiến bộ và tự tin rằng các em nói tiếng Anh tốt.

3. Một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả việc cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh tại Việt Nam

3.1. Sơ lược về tình hình cho trẻ mầm non tại Việt Nam làm quen với tiếng Anh

Nội dung ngoại ngữ ở bậc mầm non hầu như không được đề cập đến trong các văn bản pháp luật, chính sách về chương trình giáo dục mầm non. Khung chương trình giáo dục mầm non được Bộ GD-ĐT ban hành ([1], [2], [3]) cũng không bao gồm nội dung ngoại ngữ trong đó.

Việc cho trẻ làm quen với tiếng Anh hiện nay đều do các trường tự chủ động hoàn toàn. Đa số các trường (cả công lập và ngoài công lập) thêm nội dung dạy ngoại ngữ vào thành một nội dung học thêm, triển khai lớp học theo nhu cầu của phụ huynh và thu phí từ phụ huynh học sinh. Theo tinh thần Công văn số 1303 [4] của Bộ GD-ĐT cho phép “*Ở những nơi có điều kiện, phụ huynh có nhu cầu, các cơ sở giáo dục mầm non có thể tổ chức thí điểm cho trẻ làm quen với ngoại ngữ khi đảm bảo các điều kiện: cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu hoạt động làm quen với ngoại ngữ của trẻ; giáo viên có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm ngoại ngữ (hoặc cao đẳng ngoại ngữ) trở lên, đạt năng lực ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT) hoặc tương đương và được bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm mầm non; nội dung và tài liệu thí điểm cho trẻ làm quen với ngoại ngữ phải được sở giáo dục và đào tạo thẩm định và cho phép thực hiện*”. Như vậy, giới thiệu ngoại ngữ cho trẻ không phải là một nội dung bắt buộc ở giáo dục mầm non mà giống như một nội dung học tự chọn theo nhu cầu của người học và điều kiện cụ thể của nhà trường. Tuy không phải là nội dung bắt buộc trong khung chương trình quốc gia nhưng Bộ và các Sở giáo dục vẫn giữ vai trò cơ bản trong việc quản lí nhà nước về hoạt động này, theo đó “*Các sở GD-ĐT có trách nhiệm quản lí, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thí điểm cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non trong các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn; hằng năm tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ GD-ĐT (qua Vụ Giáo dục mầm non) vào thời điểm báo cáo tổng kết năm học*” [4].

3.2. Một số đề xuất liên quan đến việc cho trẻ làm quen với ngoại ngữ tại Việt Nam

- *Đề xuất về chính sách, khung quy định pháp lí*: Tuy đến thời điểm hiện tại, Bộ GD-ĐT cũng đã có ý kiến rõ ràng về vấn đề cho trẻ mầm non làm quen với ngoại ngữ nhưng chúng ta vẫn còn thiếu nhiều các quy định cụ thể về vấn đề này, ví dụ như: Hiểu các cơ sở có đủ điều kiện và việc dạy ngoại ngữ cho trẻ như thế nào cho phù hợp vẫn chưa có một bộ quy chuẩn chung, giáo trình, chương trình giảng dạy cũng chưa được chuẩn hóa hay có các tiêu chí cụ thể hay việc tổng kết, đánh giá, kiểm tra việc thực hiện vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể,... Một khi các quy định được cụ thể hóa và chi tiết hơn, các trường sẽ dễ dàng hơn, bớt lúng túng trong việc tổ chức giới thiệu ngoại ngữ cho

trẻ mầm non. Nội dung giảng dạy cho trẻ trong giai đoạn này là hết sức quan trọng vì đây là bước đầu tiên trẻ tiếp xúc với hệ thống giáo dục, nếu các nội dung và cách thức giảng dạy không chuẩn sẽ khiến các em gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức sau này; hơn nữa hiện nay rất nhiều bậc phụ huynh muốn con em mình đang ở cấp học mầm non được tiếp cận với ngoại ngữ, không chỉ phụ huynh ở các thành phố lớn mà nhu cầu ngày càng gia tăng ở nhiều tỉnh, thành phố. Những yếu tố đó càng đòi hỏi phải tăng cường, tập trung hơn nữa vào vấn đề này, mà trước hết là cần có một khung chính sách, quy định pháp lý rõ ràng và cụ thể để các cơ sở giáo dục có thể dựa vào đó mà tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với ngoại ngữ.

- *Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên:* Giáo viên giảng dạy tiếng Anh có thể là người bản địa (quốc gia nói tiếng Anh) hoặc người Việt Nam, bởi vậy khi nói đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, chúng ta cần chú ý theo từng nhóm đối tượng này. Việc đào tạo giáo viên tiếng Anh mầm non ở Việt Nam gần như chưa phát triển bởi ngay cả việc dạy ngoại ngữ cho trẻ mầm non cũng đang chỉ trong giai đoạn hình thành. Hầu hết các giáo viên tiếng Anh người Việt Nam chỉ có chuyên ngành đào tạo sư phạm cho bậc tiểu học trở lên và tâm lý của sinh viên sư phạm ngoại ngữ sau khi tốt nghiệp cũng muốn được giảng dạy cho các đối tượng đúng chuyên ngành đào tạo; nếu có giảng dạy các lớp mầm non, họ cũng chỉ coi là một công việc thực tập hay một bước đệm để tìm công việc giảng dạy hợp chuyên ngành hơn. Bởi thế, các thầy cô có thể không chuyên tâm vào việc chuẩn bị bài giảng, tự nâng cao kỹ năng giảng dạy cho trẻ mầm non và một yếu tố quan trọng là niềm đam mê với trẻ nhỏ, từ đó chất lượng giảng dạy của giáo viên cũng sẽ không cao. Ngoài ra, một bộ phận giáo viên tiếng Anh tại các trường mầm non là những giáo viên làm việc bán thời gian, chỉ đến trường khi có tiết học, họ ít có liên hệ với trẻ hay phụ huynh của trẻ và cũng có ít cơ hội để trò chuyện, tâm sự cùng cha mẹ trẻ về việc học tiếng Anh của trẻ hay giải thích cho cha mẹ cách giúp trẻ học tại nhà. Một số ít trung tâm Anh ngữ cho trẻ mầm non giải quyết được các bất cập về giáo viên người Việt thì lại có học phí quá cao và thời gian học ngoài giờ ở trường mầm non cũng gây trở ngại cho việc học của trẻ. Bởi thế, ở thời điểm hiện tại, chúng ta có thể thực hiện một số biện pháp như: mở thêm các chuyên ngành sư phạm ngoại ngữ cho trẻ mầm non, có những chương trình bồi dưỡng kỹ năng dạy ngoại ngữ cho trẻ mầm non đối với những giáo viên đang đi dạy và có nhu cầu, nhà nước tạo cơ

chế thuận lợi để các tổ chức tư nhân nhập tịch từ nước ngoài hay phát triển chương trình đào tạo giáo viên ngoại ngữ mầm non.

Ngoài giáo viên người Việt dạy tiếng Anh cho trẻ mầm non, hiện nay ở Việt Nam cũng đã có một vài nơi kí hợp đồng lao động với giáo viên nước ngoài dạy tiếng Anh cho trẻ. Đối với nhóm giáo viên này, có một vài đặc thù gây trở ngại cho việc tổ chức giảng dạy tiếng Anh cho trẻ như: họ có thời gian sinh sống và công tác tại Việt Nam không lâu nên không thích nghi tốt với môi trường, cuộc sống, ảnh hưởng đến sức khỏe, chất lượng giảng dạy; họ thay đổi vị trí công tác rất thường xuyên khiến các trường khó khăn khi phải liên tục tuyển các giáo viên bản ngữ mới hay các giáo viên đến từ các quốc gia khác nhau có các giọng tiếng Anh khác nhau nên khi đổi giáo viên, học sinh tự động phải điều chỉnh theo phương pháp, giọng nói mới; việc quản lý chất lượng của giáo viên nước ngoài cũng chưa chặt chẽ, làm xuất hiện tình trạng nhiều người không có chuyên môn sư phạm cũng có thể dạy ngoại ngữ tại Việt Nam. Để giải quyết các bất cập này, ngoài việc cơ quan nhà nước có hướng dẫn cụ thể hơn thì các trường - nơi trực tiếp làm việc với các giáo viên nước ngoài cũng cần hết sức chủ động và có kế hoạch cụ thể trong việc tuyển dụng, kí kết hợp đồng với giáo viên nước ngoài.

- Một số yếu tố quan trọng khác quyết định mức độ thành công của cho trẻ làm quen với ngoại ngữ:

+ *Động lực học tập:* Với đặc thù lứa tuổi, làm sao để thu hút trẻ và khiến trẻ luôn hứng thú với việc học tiếng Anh ở trường?

+ *Sĩ số lớp học và thời lượng bài học:* Sĩ số không nên quá đông và thời gian học không cần quá nhiều để các em có cơ hội thực sự là làm quen với tiếng Anh và yêu thích môn học một cách tự nhiên.

+ *Phương pháp dạy và học:* Lựa chọn phương pháp nào trong rất nhiều phương pháp hiện có?

+ *Chương trình học:* Tham khảo hay “nhập” chương trình học từ các nước khác hoặc trên cơ sở tham khảo chương trình các nước khác, đầu tư xây dựng chương trình phù hợp với trẻ em Việt Nam. □

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ GD-ĐT (2009). *Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/07/2017 về “Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non”*.

[2] Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT về “Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non (ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.

[3] Bộ GD-ĐT (2017). *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT*

(Xem tiếp trang 134)

để phù hợp với các hệ thống bên trong vào những gì được nghe [7].

2.2.4. Thuyết chuyển đổi ngôn ngữ (Linguistic Transfer)

Các nhà nghiên cứu cũng dành riêng một số lượng đáng kể thời gian để nghiên cứu về chuyển ngôn ngữ, hoặc chuyển giao các quy tắc mà người học biết từ ngôn ngữ đầu tiên của mình để tạo nên những phát ngôn trong ngôn ngữ thứ hai. Họ đồng tình rằng, một số lượng đáng kể đã chuyển vào ngôn ngữ thứ hai, cả hai đều liên quan đến sản sinh và học tập ngôn ngữ thứ hai. Khi các kiến thức của ngôn ngữ trước đó có một tác động tiêu cực đối với các phát ngôn ở ngôn ngữ thứ hai, việc chuyển giao được gọi là *can thiệp* hoặc *chuyển biến tiêu cực*. Ví dụ: những thiếu sót của hình vị ngữ pháp như kết thúc động từ, biến tố danh từ, mạo từ và trợ động từ; khái quát quá rộng và sử dụng các dấu hiệu đối [8].

Dulay và Burt nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của những phát hiện này đối với những người học ngôn ngữ thứ hai. Chúng ta biết rằng, kiểu cấu trúc nhận thức của người học sẽ định hướng quá trình học tập ngôn ngữ thứ hai và trẻ em có khả năng sáng tạo xây dựng một ngôn ngữ mới, trẻ em cần phải được đắm mình trong một môi trường học tập ngôn ngữ mà nhấn mạnh việc giao tiếp tự nhiên phong phú thay vì ghi nhớ và học tập thuộc lòng. Nhấn mạnh không nên dựa vào hình thức của ngôn ngữ thứ hai mà dựa vào khả năng của trẻ trong quá trình lĩnh hội ngôn ngữ. Lỗi của một người học không nên được xem như là "sai lầm" mà là một quá trình lĩnh hội ngôn ngữ một cách liên tục. Như đã đề cập, người bản xứ cũng thử nghiệm với hình thức, thử nghiệm giả thuyết của mình về các cấu trúc của ngôn ngữ. Các interlanguage là giống như hình thức thử nghiệm cho người học hai ngôn ngữ. Đây là một trong những điểm tương đồng cơ bản giữa các quá trình lĩnh hội ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai. □

Tài liệu tham khảo

- [1] McLaughlin, B. (1978). *The monitor model: some methodological considerations*. Language learning, Volume 28, Issue 2, 309-332.
- [2] Chomsky, N. (1959). *Verbal behavior by B. F. Skinner*. Language 35.1, 26-58.
- [3] Klein, Wolfgang. (1986). *Second Language Acquisition*. Cambridge University Press.
- [4] Susan Ervin-Tripp (1973). *Language acquisition and communicative choice*. Language in Society, xiv + 384.
- [5] Dulay - Burt. (1977). *Remarks on creativity in language acquisition*. In H. D. M. Burt, Viewpoints

on English as a second language (pp. 95-126). New York: Regents Press.

- [6] Selinker, L. (1972). *Interlanguage 10: 209-231*. International Review of Applied Linguistics.
- [7] Galambos, S. - Hakuta, K. (1988). *Subject-specific and task-specific characteristics of metalinguistic awareness in bilingual children*. Applied Psycholinguistics, 9, 141-162.
- [8] Dulay, H. - M. Burt. (1975). *A new approach to discovering universal strategies of child second language acquisition*. In D. D. (Ed., Developmental Psycholinguistics: Theory and Applications. (pp. 209-233). Washington: Georgetown University Press.
- [9] Collier, V.P. - Thomas, W.P. (1999). *Making U.S. schools effective for English language learners, Parts 1-3*. TESOL Matters.
- [10] Fillmore, L. W. (1991). *Second language learning in children: A model of language learning in social context*. In (E. Bialystok, Language processing by bilingual children (pp. 49-69). New York: Cambridge University Press.
- [11] Krashen - Terrell. (1983). *The natural approach: Language acquisition in the classroom*. London: Prentice Hall Europe.
- [12] Thomas - Collier. (1997). *The Thomas and Collier 1997 national study: Thomas, W.P. & Collier, School effectiveness for language minority students*.

Một số vấn đề về...

(Tiếp theo trang 143)

ngày 24/01/2017 về "Ban hành Chương trình Giáo dục mầm non".

- [4] Bộ GD-ĐT (2014). *Công văn số 1303/BGDĐT-GDMN về việc tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục mầm non*.
- [5] Bộ GD-ĐT (2014). *Công văn số 694/BGDĐT-GDMN về việc Chấn chỉnh việc tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục mầm non*.
- [6] Mei-Ling Chuang (2001). *Teaching and Learning English in Kindergartens in Kaohsiung*. Luận án tiến sĩ Triết học Giáo dục, Đại học Bielefeld (Đức).
- [8] Wendy A. Scott và Lisbeth H. Ytreberg. *Teaching English to Children, Longman Keys to Language Teaching*. Longman London New York.
- [9] Salwa Al-Darwish (2013). *Kindergarten Children and Language Learning: Missing Pillars for Language Acquisition*. International Journal of Higher Education, Vol. 2, No. 1.
- [10] Mei Lee NG, The Hong Kong Institute of Education, Hong Kong, Nirmala RAQ, The Hong Kong University, Hong Kong (2013). *Teaching English in Hong Kong Kindergartens: A Survey of Practices*. International Journal of Literacies.